

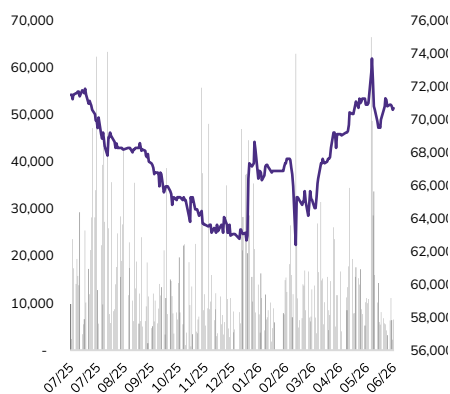
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành : Hàng & DVCN
 Ngày báo cáo : 26/06/2026
 Giá hiện tại (VND/CP) : 70.600
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 2.824
 SLCPLH (CP) : 40.000.000

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	1Q25	1Q26
Tăng trưởng DTT (%)	4,9%	-3,7%
Tăng trưởng LNST (%)	5,4%	-3,5%
Biên LNG (%)	56,6%	56,7%
Biên LNST (%)	40,5%	40,6%
ROA (%)	21,2%	22,3%
ROE (%)	24,0%	24,0%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,00	0,00
EPS (VND/CP)	8.488	8.398
BVPS (VND/CP)	35.829	38.190

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Thách thức phía trước

- **KQKD năm 2025 – doanh thu sụt giảm nhưng lợi nhuận đi ngang svck do tiết kiệm chi phí & biên LNG cải thiện.**
- ✓ Doanh thu thuần (DTT) đạt 587,2 tỷ đồng (-15,4% svck) do sản lượng container thông qua cảng suy giảm -10,3% svck về còn gần 514 nghìn TEU và hoạt động khai thác kém thuận lợi hơn so với nền cao năm trước. Nguyên nhân là do: i) Ảnh hưởng của chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ với các quốc gia khác làm giảm sản lượng lưu thông hàng hóa toàn cầu; ii) Hàng hóa có xu hướng dịch chuyển từ khu vực phía trong như Đình Vũ, Tân Vũ ra khu vực Lạch Huyện do các cảng ở khu Lạch Huyện có lợi thế về luồng và khả năng tiếp nhận được tàu có trọng tải lớn; iii) Ảnh hưởng của thời tiết bất lợi...
- ✓ Tuy nhiên, nhờ biên lợi nhuận gộp (LNG) cải thiện lên 56,9% (+9,8 điểm % svck) và tiết giảm được các chi phí như chi phí bán hàng & QLDN nên LNST-MI tăng nhẹ +0,6% svck lên 338,2 tỷ đồng, hoàn thành 75,6% kế hoạch doanh thu và 85,3% kế hoạch lợi nhuận năm 2025.
- **KQKD Q1/2026 sụt giảm nhẹ svck.** DTT đạt 152,7 tỷ đồng (-3,7% svck), LNG đạt 86,5 tỷ đồng (-4% svck) do sản lượng thông qua cảng đạt gần 102 nghìn TEU (-12% svck). LNST-MI đạt 62 tỷ đồng (-3,5% svck), hoàn thành 18,6% kế hoạch doanh thu và 22,7% kế hoạch LNTT năm 2026.
- **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào và không có nợ vay:**
- ✓ **Lượng tiền dồi dào.** Tại 31/03/2026, DVP có hơn 1.204 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+5% so với đầu năm và chiếm 75,9% cơ cấu TTS). Công ty có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền khá cao, năm 2024 & 2025 là 80%, dự kiến năm 2026 tối thiểu 70%.
- ✓ **Tại 31/03/2026, DVP không có nợ vay.**
- ✓ Tóm lại, cơ cấu tài chính của DVP rất an toàn và lành mạnh, chất lượng tài sản cao khi tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng áp đảo, các khoản phải thu ở mức thấp và tài sản được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu. Đồng thời, giá trị tài sản cố định thuần duy trì ở mức thấp phản ánh cảng đã bước vào giai đoạn khai thác ổn định, không còn nhu cầu đầu tư lớn trong ngắn hạn

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DVP Q1/2026 & NĂM 2025

Chỉ tiêu	1Q2025	1Q2026	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	158,7	152,7	-3,7%	694,3	587,2	-15,4%
Lợi nhuận gộp	89,9	86,5	-4%	326,9	333,9	2,1%
<i>Biên LN gộp (%)</i>	56,6%	56,7%		47,1%	56,9%	
Chi phí BH & QLDN	(15,7)	(15,1)	-3,8%	(77,7)	(59,7)	-23,1%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)</i>	9,9%	9,9%		11,2%	10,2%	
Doanh thu tài chính	6,2	6,0	-2,8%	128,0	128,4	0,3%
Chi phí tài chính	0	(0,01)		(0,03)	(0,15)	400,0%
<i>Chi phí lãi vay</i>	0	0		0	0	
Thu nhập tài chính (ròng)	6,2	6,0	-2,9%	127,9	128,3	0,3%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	80,4	77,5	-3,6%	377,2	402,4	6,7%
Lợi nhuận trước thuế	80,5	77,5	-3,7%	403,0	405,4	0,6%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	64,2	62,0	-3,5%	336,2	338,2	0,6%
<i>Biên LN ròng (%)</i>	40,5%	40,6%		48,4%	57,6%	

Nguồn: DVP, ABS Research

Triển vọng

Chúng tôi cho rằng triển vọng năm 2026 của DVP dự báo ổn định, đan xen cả yếu tố hỗ trợ và thách thức:

- ✓ **Tăng trưởng sản lượng hàng hóa qua cảng Hải Phòng dự báo ổn định và có xu hướng tích cực trong trung và dài hạn nhờ xuất nhập khẩu, FDI và hạ tầng logistics tiếp tục mở rộng.** Khu vực cảng biển Hải Phòng đặt mục tiêu đạt 122 triệu tấn hàng hóa thông qua (+5,5% YoY) và 9,1 triệu TEU container (+9% YoY) trong năm 2026. Động lực tăng trưởng đến từ hoạt động xuất nhập khẩu duy trì tích cực, dòng vốn FDI tiếp tục mở rộng tại khu vực miền Bắc và việc phát triển hạ tầng cảng biển - logistics, qua đó hỗ trợ triển vọng sản lượng khai thác của DVP trong trung và dài hạn.
- ✓ **DVP đang tập trung hoàn thành dự án nâng cấp cầu cảng** để đón và khai thác tàu có tải trọng lên đến 48.000 DWT. Đi kèm với đó là dự án cải tạo cầu tàu số 1 và đầu tư thêm 2 cầu trục giàn STS hiện đại. Việc tăng năng lực đón tàu lớn giúp DVP thu hút các tuyến hải trình quốc tế mới.
- ✓ **Cơ cấu tài chính cực kỳ lành mạnh:** DVP không có áp lực nợ vay, sở hữu lượng tiền gửi dồi dào mang lại nguồn doanh thu tài chính (lãi tiền gửi) ổn định.
- ✓ **Tuy nhiên, DVP cũng phải đối mặt với một số thách thức như:** i) Áp lực cạnh tranh gay gắt và xu hướng dịch chuyển hàng hóa từ khu vực cảng Hải Phòng sang khu vực cảng Lạch Huyện; ii) Biến động chi phí vận tải toàn cầu trong bối cảnh xung đột địa chính trị trên thế giới gia tăng; iii) Dự địa tăng trưởng sản lượng thông qua tại khu vực cảng Đình Vũ không còn lớn.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST của cổ đông Công ty mẹ năm 2026F là 278,7 tỷ đồng (-17,6% svck). EPS và BVPS 2026F dự kiến ở mức 7.725 đ/cp và 37.915 đ/cp. ROE dự kiến là 20,4%. Tại mức giá hiện tại 70.600 đ/cp, DVP đang giao dịch với P/E và P/B 2026F tương ứng 9,14 lần và 1,86 lần.

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA DVP

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	585	549	694	587
Giá vốn hàng bán	(274)	(322)	(367)	(253)
Lợi nhuận gộp	311	228	327	334
Doanh thu tài chính	99	156	128	128
Chi phí tài chính	(1)	(0)	(0)	(0)
Chi phí bán hàng	0	0	0	(0)
Chi phí QLDN	(63)	(70)	(78)	(59)
Lợi nhuận từ HĐKD	346	314	377	402
Lãi/lỗ khác	(1)	84,5	25,9	3,0
Lợi nhuận trước thuế	345	398	403	405
Lợi nhuận sau thuế	283	331	336	338
LNST cổ đông Công ty mẹ	283	331	336	338

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	186	246	192	176
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	58	(69)	101	142
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(240)	(200)	(280)	(320)
LCT thuần trong kỳ	4	(23)	13	(3)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	33	37	15	27
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	37	15	27	25

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	10,59	4,80	8,60	12,83
Khả năng thanh toán nhanh	1,30	0,31	0,86	1,14
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,33	0,06	0,18	0,25
Khả năng thanh toán lãi vay	-	-	-	-
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,92	0,84	0,91	0,94
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,08	0,16	0,09	0,06
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	-	-	-	-

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	35,77	32,53	23,95	28,09
Số ngày phải trả	24,33	34,36	25,13	19,52
Số ngày tồn kho	12,61	10,42	10,98	18,15
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	53,1%	41,4%	47,1%	56,9%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	59,1%	57,2%	54,3%	68,5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	48,4%	60,2%	48,4%	57,6%
ROE	20,6%	24,0%	23,5%	22,9%
ROA	18,9%	21,1%	20,5%	21,1%
ROIC	15,2%	9,7%	14,7%	15,8%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	37	15	27	25
+ Đầu tư ngắn hạn	1.053	1.145	1.147	1.122
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	112	66	102	86
+ Hàng tồn kho	9	9	13	12
+ Tài sản ngắn hạn khác	6	12	2	4
Tài sản ngắn hạn	1.217	1.247	1.292	1.249
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	116	239	218	186
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	0	1	1	1
+ Đầu tư dài hạn	137	124	103	103
+ Tài sản dài hạn khác	26	26	25	24
Tài sản dài hạn	280	389	347	314

Tổng Tài sản	1.498	1.636	1.639	1.563
+ Vay ngắn hạn	0	0	0	0
+ Phải trả người bán	24	36	14	13
+ Nợ ngắn hạn khác	91	224	136	85
Nợ ngắn hạn	115	260	150	97
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	115	260	150	97
+ Vốn cổ phần	400	400	400	400
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	354	347	460	436
+ Quý khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1.383	1.376	1.489	1.466
Tổng cộng nguồn vốn	1.498	1.636	1.639	1.563

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	-3,9%	-6,1%	26,4%	-15,4%
Tăng trưởng LNST	1,7%	15,5%	1,2%	0,6%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-2,8%	-26,7%	43,6%	2,1%
Tăng trưởng EPS	5,4%	28,5%	1,7%	-10,7%
Tăng trưởng VCSH	0,7%	-0,5%	8,2%	-1,6%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-0,1%	9,2%	0,2%	-4,7%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	10,37	10,34	8,60	9,25
P/B	1,93	2,49	1,94	1,90
EV/EBITDA	8,86	16,14	9,56	8,49
EV/Sales	4,50	6,20	4,13	4,69
EPS (đồng/cp)	6.431	8.267	8.406	7.510
BVPS (đồng/cp)	34.571	34.400	37.223	36.641

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Trần Minh Quang – Chuyên viên

Email: quang.trminh@abs.vn



TRỌN VÊN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

Chứng khoán An Bình

Được vinh danh

Công ty cung cấp

Dịch vụ chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2026

BEST SECURITIES SERVICE

Do FinanceAsia bình chọn



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây

